

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Trúc L, sinh năm 1996 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Trúc L trình bày: Qua mai mối nên chị và anh H kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Lan T, sinh ngày 15/4/2016. Đến tháng 02/2018 vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có tình cảm với người phụ nữ khác nên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải và hàn gắn nhưng không chung sống hòa thuận lại được. Sau đó anh H bỏ đi một thời gian thì quay về và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị phải ra đi, không có điều kiện nuôi con nên giao lại cho anh H nuôi dưỡng và đi làm công ty cho đến nay. Chị xét thấy đời sống chung không

hạnh phúc, không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh H và yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, con chung theo chị L trình bày trên là đúng. Tuy nhiên, anh chị tự nguyện đi đến hôn nhân và chung sống tại thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau. Đến tháng 02/2018 vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác và bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nên anh có bỏ đi làm ở công ty khoảng 7 – 8 tháng thì quay về và tiếp tục mâu thuẫn, cự cãi thì chị L bỏ đi và làm giấy cam kết giao con lại cho anh nuôi dưỡng đến nay.

Nay anh xác định mâu thuẫn là trầm trọng nên đồng ý thuận tình ly hôn với chị L, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H và chị L cư trú tại Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nhưng hiện đi làm tại huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, anh chị cùng có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau giải quyết việc tranh chấp ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn theo quy định tại Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NH, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/11/2015 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, anh chị cùng xác định mâu thuẫn trầm trọng, không yêu cầu đoàn tụ và thuận tình ly hôn với nhau. Việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, trên cơ sở nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh chị không thỏa thuận việc nuôi con, nên không có cơ sở xem xét cho anh chị được thuận tình ly hôn, mà cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Lan T, sinh ngày 15/4/2016 hiện do anh H nuôi dưỡng. Sau khi L hôn anh chị cùng có yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại phiên tòa anh chị cùng xác định mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 10/2018 tại thành phố Hồ Chí Minh nên chị L bỏ đi, tự nguyện giao con lại cho anh H nuôi

dưỡng cho đến nay vẫn đảm bảo cho cháu được phát triển bình thường. Qua tranh tụng xét thấy anh chị có điều kiện nuôi dưỡng con chung và quyền nuôi con là ngang nhau. Đối với chị L không nuôi dưỡng con đã lâu, nghề nghiệp và nơi ở hiện nay của chị chưa ổn định bằng anh H vì chị xác định nếu giao con cho chị thì chị ra ngoài thuê trọ. Đối với anh H hiện đang nuôi dưỡng cháu T, có thu nhập và nơi ở ổn định, hiện tại đảm bảo đủ điều kiện nuôi con hơn chị L. Do đó, không cần thiết thay đổi điều kiện sinh sống của con và cần tiếp tục giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng là đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định, đảm bảo cho con có các điều kiện được phát triển tốt về thể chất, tinh thần là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin L hôn của chị L. Cho chị Đặng Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đặng Lan T, sinh ngày 15/4/2016 cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007259 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã TT, huyện NH, Cà Mau (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên